TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21.03.2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Ngọc Trang.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Được
2. Ông Trịnh Văn Bé
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm Sát Viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 537/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh T**,** sinh năm 1996 (Có mặt).
Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Phan Thành L**,** sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25.8.2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh T trình bày: Chị và anh L do quen biết được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2013 đến năm 2014 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không có tình cảm, bất đồng ý kiến, anh L không lo làm ăn chị có khuyên nhưng anh L không sửa đổi, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn chị xin được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 09.6.2013 hiện nay sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh L đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh vắng mặt và cũng không gởi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Anh T xin ly hôn với anh Phan Thành L có nơi cư trú ấp Tấn L, xã T, huyện C, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Phan Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T:

Chị T và anh L do quen biết được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nên hôn nhân của anh chị lả hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì không còn chung sống cho đến nay. Chị T xin ly hôn, Tòa án hòa giải nhiều lần chị T cương quyết ly hôn. Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh L không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét, thời gian anh, chị ly thân đã lâu chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn với anh L, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…" do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 09.6.2013 hiện nay sống chung với chị T. Xét thấy từ khi anh chị không còn chung sống cháu N sống với chị T, cuộc sống ổn định, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con …", chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh L không có ý kiến về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị, giao chị được tiếp tục nuôi cháu N, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh L vắng mặt nếu anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị T trình bày không có. Nếu sau này anh L có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận chị T trình bày là không có. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị

vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với anh Phan Thành L.

2- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 09.06.2013. Anh Phan Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Thành L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số 0014487 ngày 25.10.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-UBND xã Tấn M
, huyện C.
-Các đương sự;
-Lưu.

Dương Ngọc Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thiện Lai – Trương Phước Công **Dương Ngọc Trang**